

Số: 42.../TB-HĐTD

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
Một số nội dung liên quan đến tuyển dụng nhân sự
và chuyển ngạch năm 2022

Căn cứ Thông báo tuyển dụng nhân sự năm 2022 số 29/TB - HVPNVN ngày 17/3/2022;

Trên cơ sở kết quả rà soát hồ sơ dự tuyển;

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng tuyển dụng ngày 20/4/2022;

Hội đồng tuyển dụng Học viện Phụ nữ Việt Nam thông báo một số nội dung liên quan:

1. Danh sách người tham dự kỳ thi

- Tổng số ứng viên dự thi: 38

- Tổng số vị trí việc làm có ứng viên tuyển dụng: 14

Chi tiết danh sách người tham dự kỳ thi theo phụ lục đính kèm.

2. Nội dung, hình thức, thời gian làm bài thi

2.1 Đối với các vị trí giảng viên

a. *Trước khi dự thi:* ứng viên chuẩn bị 03 giáo án (theo mẫu Học viện cung cấp) và slides bài giảng kèm theo; mỗi giáo án dành cho giảng dạy 1 giờ tín chỉ trên lớp (50 phút) thuộc các chương khác nhau trong 1 học phần hoặc thuộc nhiều học phần khác nhau; nội dung của giáo án phải tuân thủ theo đề cương chi tiết học phần của Học viện Phụ nữ Việt Nam (Do Học viện cung cấp); nộp về Học viện trước 02 ngày tính đến thời điểm thi bằng bản in hoặc file điện tử, gửi đến phòng Tổ chức Hành chính hoặc theo địa chỉ email: phongtchc@vwa.edu.vn

Danh sách học phần/ môn học của từng ngành sau đây:

+ Đối với ngành Kinh tế & Tài chính: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Quản trị Tài chính doanh nghiệp, Nguyên lý kế toán, Kinh tế đầu tư, Kinh tế quốc tế, Tài chính quốc tế.

+ Đối với ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: Tổng quan du lịch, Quản trị điểm đến, Điểm tuyến du lịch Việt Nam, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lữ hành, Quản trị kinh doanh lữ hành, Nghiệp vụ khách sạn, Phong tục tập quán lễ hội truyền thống, Quản trị kinh doanh khách sạn.

+ Giảng viên ngành Luật & Luật kinh tế: Luật dân, Luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Pháp luật về bình đẳng giới, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, Luật doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật đầu tư, Luật thương mại, Luật ngân hàng.

+ Đối với ngành Báo chí truyền thông: Nhập môn truyền thông đa phương tiện, Lý thuyết và ngôn ngữ truyền thông, Kịch bản truyền thông, Biên tập tác phẩm báo chí, Kỹ năng khai thác thông tin, Kỹ năng viết cho truyền thông.

+ Đối với giảng viên văn hoá truyền thông: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Tổ chức sự kiện, Lý thuyết và ngôn ngữ truyền thông, Quan hệ công chúng.

+ Đối với giảng viên Tâm lý học: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học phát triển, Hành vi con người và môi trường xã hội, Chẩn đoán tâm lý, Tâm lý học nhân cách, Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học gia đình, Tâm lý học giới, Tham vấn tâm lý.

+ Đối với giảng viên Chính trị: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Đối với giảng viên Ngoại ngữ: Tiếng Anh chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Công tác xã hội, Du lịch, Giới và Phát triển, Công nghệ thông tin.

+ Đối với ngành Công nghệ thông tin: Lập trình C++, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Nhập môn cơ sở dữ liệu, Nhập môn mạng máy tính, Tương tác người máy, Ngôn ngữ mô hình hóa UML, Lập trình hướng đối tượng, Lập trình hệ thống nhúng, Phân tích dữ liệu lớn, An toàn và bảo mật thông tin.

Lưu ý: đối với người có học vị tiến sĩ có thể thay thế việc thực hành giảng bằng việc trình bày, bảo vệ 1 đề xuất nghiên cứu khoa học về 1 chủ đề liên quan đến ngành đào tạo của Học viện gắn với vị trí dự tuyển. Ứng viên phải chuẩn bị 2 thuyết minh nghiên cứu khoa học chi tiết, theo chuẩn khoa học và các yêu cầu tối thiểu đối với một thuyết minh nghiên cứu cấp cơ sở.

b. Tại thời điểm thi:

- Thực hành giảng dạy: 1 giờ tín chỉ (50 phút) trước Hội đồng đánh giá. Đồng thời, trả lời câu hỏi của thành viên Hội đồng. Nội dung giảng sẽ được Chủ tịch Hội đồng đánh giá lựa chọn, quyết định tại thời điểm thực hành theo giáo án đã nộp.

- Phỏng vấn trực tiếp của Ban Giám đốc Học viện (điểm điều kiện).

2.2 Đối với vị trí các công việc khác

a. Tại thời điểm thi:

- Thi viết chuyên ngành về lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí tuyển dụng trong thời gian 120 phút hoặc 150 phút dưới các hình thức tự luận, trắc nghiệm, bán trắc nghiệm và xử lý tình huống.

- Phỏng vấn trực tiếp của Ban Giám đốc Học viện (điểm điều kiện).

b. Nội dung thi:

Tập trung vào các nội dung trọng tâm theo từng vị trí cụ thể dưới đây:

+ Chuyên viên Quản trị cơ sở vật chất: Chính sách, quy định của nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản với các đơn vị sự nghiệp công lập, các nghiệp vụ giám sát, quản lý dự án xây dựng dân dụng, sửa chữa toà nhà; Một số nghiệp vụ sửa chữa cơ bản, phát hiện sự cố đối với các toà nhà; Nghiệp vụ đấu thầu trong xây dựng.

+ Chuyên viên Hợp tác quốc tế: Các chính sách, luật pháp của Việt Nam về hợp tác, liên kết quốc tế trong giáo dục đại học; các nghiệp vụ viết thư chính thức, email, viết đề xuất hợp tác hoặc xin tài trợ; đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh (kết hợp

vào bài thi viết); hiểu biết về thực trạng, xu hướng hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học.

+ Chuyên viên Thanh tra Pháp chế: Các chính sách, luật pháp của Việt Nam về giáo dục đại học; về thanh tra pháp chế trong cơ sở giáo dục; đảm bảo chất lượng; nghiệp vụ của thanh tra pháp chế (viết đề xuất, tham mưu thực hiện công tác thanh tra về giáo dục và đào tạo trong phạm vi Học viện nhằm tăng cường hiệu lực quản lý, bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của Học viện, thực hiện công tác tự kiểm, theo quy định của pháp luật về thanh tra; Bảo đảm cho Học viện hoạt động theo đúng pháp luật và nguyên tắc pháp chế.

+ Chuyên viên Khảo thí và Bảo đảm chất lượng: Các chính sách, quy định của nhà nước về bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và khảo thí/đánh giá người học; Các quy định của Học viện về khảo thí, hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ; Các vấn đề thực tiễn của công tác khảo thí, bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng hiện nay ở Việt Nam.

+ Trợ lý khoa Truyền thông Đa phương tiện; Viện Công nghệ thông tin: Các nghiệp vụ hành chính văn phòng trong nhà trường; xây dựng báo cáo công việc, kế hoạch hoạt động, kỹ năng giao tiếp...

2.3. Đối với các vị trí chuyển ngạch sang giảng viên (dành cho nhân sự đang làm việc tại Học viện)

- Chuẩn bị nội dung và thực hành giảng dạy theo đúng quy định tại mục 2.1 với các nội dung sau:

+ Giảng viên Quản trị kinh doanh: Quản trị học, Quản trị sản xuất, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị chất lượng, Thay đổi và phát triển doanh nghiệp, Quản trị chiến lược, Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

+ Giảng viên Công tác xã hội: Nhập môn Công tác xã hội, Đạo đức nghề Công tác xã hội, Lý thuyết công tác xã hội, Công tác xã hội cá nhân, Công tác xã hội nhóm, Phát triển cộng đồng, Quản trị Công tác xã hội.

3. Lịch thi

- **Thời gian:** Ngày 7/5/2022-8/5/2022: Tất cả các thí sinh có lịch thi tập hợp tại phòng 202 Nhà A2 vào lúc 8h15 (buổi sáng) và 13h30 (buổi chiều). Lịch thi cụ thể cho các vị trí, Hội đồng tuyển dụng sẽ thông báo sau.

Hội đồng tuyển dụng thông báo để các thí sinh được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Website Học viện, email các thí sinh;
- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Ban thanh tra Nhân dân Học viện;
- Lưu: VT, TCHC.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



Trần Quang Tiên

Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam

DANH SÁCH

Thí sinh tham dự kỳ thi tuyển nhân sự và chuyển ngạch năm 2022
Học viện Phụ nữ Việt Nam

1. Giảng viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành – Khoa Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Đặng Thị Hợp Hương	1988	Thái Bình	
2.	Phạm Thị Hiền	1989	Thái Bình	

2. Giảng viên Kinh tế và Tài chính

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Lê Thị Hậu	1994	Thanh Hoá	
2.	Quách Thị Ngân	1987	Hà Nội	

3. Giảng viên khoa Luật

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Hoàng Mai Anh	1995	Hà Giang	
2.	Vũ Thị Ngọc	1997	Hải Dương	

4. Giảng viên Báo chí Truyền thông

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Nguyễn Đức Anh	1991	Lạng Sơn	
2.	Nguyễn Kiều Mi	1994	Hà Nội	
3.	Nguyễn Thị Thu Thủy	1992	Hưng Yên	

5. Giảng viên Văn học truyền thông

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Vũ Thị Soi Ngần	1989	Hưng Yên	

6. Giảng viên tâm lí

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Phạm Thanh Bình	1981	Ninh Bình	
2.	Trần Thị Thu Hằng	1980	Hà Nam	

7. Giảng viên chính trị

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Chu Thị Hạ	1984	Bắc Giang	
2.	Nguyễn Thị Thu Hiền	1988	Hà Nội	
3.	Trần Thị Phương Nga	1988	Hà Nội	
4.	Nguyễn Thị Nguyệt	1979	Thanh Hoá	

8. Giảng viên ngoại ngữ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Mai Thị Hiền	1979	Thanh Hoá	
2.	Nguyễn Thu Hương	1976	Hải Dương	
3.	Lê Thị Kim Nhung	1993	Hà Nội	
4.	Đỗ Thị Thuý Vân	1981	Hà Nam	

9. Giảng viên Viện Công nghệ thông tin

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Bùi Thị Cẩm Dương	1987	Hà Nội	
2.	Nguyễn Thị Hồng	1976	Nghệ An	
3.	Trịnh Ngọc Trúc	1985	Nam Định	

4.	Bùi Tiến Trường	1982	Hà Nội	
----	-----------------	------	--------	--

10. Chuyên viên Quản trị cơ sở vật chất

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Trần Hoà Bình	1993	Thái Bình	
2.	Nguyễn Duy Chính	1994	Hà Tĩnh	
3.	Nguyễn Thị Thu Hà	1978	Hà Nội	

11. Chuyên viên Hợp tác quốc tế

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Nguyễn Hưng Bình	1999	Hà Tĩnh	
2.	Đậu Phương Linh	1997	Nghệ An	
3.	Lương Vũ Bích Ngọc	1999	Hà Nam	

12. Chuyên viên Khảo thí và Bảo đảm chất lượng

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Hoàng Thị Thu Huyền	1986	Nghệ An	
2.	Vũ Thị Lý	1986	Bắc Ninh	
3.	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	1976	Nam Định	

13. Chuyên viên Thanh tra Pháp chế

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Trần Thuỳ An	1997	Hà Nội	
2.	Nguyễn Thị Duyên	1995	Bắc Ninh	
3.	Hoàng Ngọc Minh Thuý	1998	Hưng Yên	

14. Trợ lý khoa Truyền thông Đa phương tiện

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
----	-----------	----------	----------	---------

1.	Nguyễn Thị Thanh Phượng	2000	Hà Nội	
----	----------------------------	------	--------	--

15. Trợ lý Viện Công nghệ Thông tin

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Nguyễn Thùy Trang	1994	Hà Nội	

16. Chuyển ngành từ trợ lý khoa sang giảng viên

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Vị trí
1.	Trịnh Thị Khánh Linh	1995	Hà Nội	Giảng viên QTKD
2.	Nguyễn Hoàng Phương	1995	Thái Bình	Giảng viên CTXH
3.	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1995	Hà Nội	Giảng viên QTKD

(Signature)

